

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642008 - Vẽ kỹ thuật
Lớp :

STC : 5(75,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Quang	Duy	3641010398	09/12/1994	5,30	5,00	5,20	
2	Nguyễn Văn	Rin	3642010357	12/12/1993	6,70	5,00	5,80	
3	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	3642010436	15/03/1994	4,70	,00	2,30	
4	Võ Hoàng	Anh	3645010295	02/08/1993	4,00	,00	2,00	CT
5	Bùi Tá	Nhật	3645010319	24/07/1994	6,30	2,00	4,20	
6	Quách Đình	Hiệp	3645010331	10/09/1992	2,30	3,00	2,70	
7	Trịnh Nhật	Thi	3645010359	14/03/1994	5,30	,00	2,70	
8	Trương Hoàng	Đang	3645010373	08/07/1992	4,30	,00	2,20	
9	Hàm Đại	Trạm	3645010380	08/04/1992	4,30	5,00	4,70	
10	Thiên Sanh	Trương	3645010381	16/08/1991	3,30	1,00	2,20	
11	Ngô Tấn	Tiến	3645010382	29/01/1993	4,00	,00	2,00	
12	Trịnh Việt	Hồng	3645010388	11/06/1994	4,00	,00	2,00	
13	Nguyễn Thái	Dâng	3645010391	02/05/1993	6,70	2,00	4,30	
14	Trần Hữu	Lộc	3645010394	05/04/1992	,00	,00	,00	CT
15	Trần Văn	Rớt	3645010414	03/07/1993	4,70	3,00	3,80	
16	Đặng Minh	Hiếu	3645010421	17/03/1993	,00	,00	,00	CT
17	Nguyễn Hoàng	Phúc	3645010422	14/01/1993	5,00	,00	2,50	
18	Trịnh Việt	Võ	3645010430	22/08/1994	3,70	,00	1,80	
19	Võ Duy	Đạt	3645010433	08/08/1994	3,00	,00	1,50	
20	Nguyễn Chí	Cường	3645010443	14/09/1994	5,00	,00	2,50	
21	Nguyễn Văn	Đoàn	3645010453	27/07/1994	,00	,00	,00	CT
22	Phạm Đình	Mạnh	3645010455	02/05/1992	4,70	,00	2,30	
23	Lê Văn	Sang	3645010463	10/10/1990	2,70	,00	1,30	
24	Nguyễn Thế	Sang	3645010470	26/07/1994	5,30	2,00	3,70	
25	Trần Đình	Hiếu	3645010475	11/06/1994	3,00	,00	1,50	CT
26	Võ Duy	Phú	3645010506	12/06/1994	6,70	3,00	4,80	
27	Nguyễn Văn	Linh	3645010507	26/07/1992	3,00	,00	1,50	
28	Trần Văn	Điền	3645010517	28/02/1992	,00	,00	,00	CT
29	Lê Phạm Huỳnh	Hội	3645011990	27/06/1994	3,30	,00	1,70	
30	Nguyễn Thành	Trí	3645011993	21/10/1992	3,70	,00	1,80	
31	Nguyễn Trọng	Nhân	3645011995	20/07/1994	5,70	,00	2,80	
32	Huỳnh	Thanh	3645012006	16/07/1994	,00	,00	,00	CT
33	Phan Hồng	Trọng	3645012015	25/12/1992	1,00	,00	,50	CT
34	Nguyễn Hoàng	Sang	3645012019	29/04/1993	3,30	,00	1,70	
35	Hồ Sỹ	Trung	3645012030	24/07/1992	,70	,00	,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đinh Duy Thanh	Vũ	3645012031	11/05/1993	5,00	,00	2,50	
37	Lê Chí	Công	3645012034	03/03/1991	,00	,00	,00	CT
38	Trần Chí	Tinh	3645012036	05/10/1993	4,70	2,00	3,30	
39	Hoàng Hải	Thọ	3645012037	27/03/1991	2,30	,00	1,20	CT
40	Huỳnh Lữ	An	3645012038	08/09/1992	,70	,00	,30	CT
41	Nguyễn Ngọc	Diêu	3645012073	03/12/1993	,00	,00	,00	
42	Phạm Minh	Thiên	3645012074	24/04/1994	5,70	3,00	4,30	
43	Lê Hữu	Định	3645012084	02/01/1992	,00	,00	,00	CT
44	Lý Văn	Phương	3645012085	07/10/1991	,00	,00	,00	CT
45	Bùi Đức	Nhuận	3645012096	02/12/1994	5,30	3,00	4,20	
46	Lê Văn Minh	Quân	3645012111	01/04/1992	1,30	,00	,70	CT
47	Võ Hoàng	Thân	3645012114	18/03/1993	6,30	3,00	4,70	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)